

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 12 - 2024

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên và ông Đào Ngọc Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2024/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Chị Chu Thị H, sinh năm 1979;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Hiện tại đang sinh sống và làm việc tại nước Mỹ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Huy T1, sinh ngày 14/02/2002;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

+ Cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/01/2008;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Người đại hợp pháp cho cháu H1: Anh T và chị H (là bố, mẹ đẻ các cháu).

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và chị Chu Thị H kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến vào đầu năm 2024 vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi khiến tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Mặc dù đã nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng không có nhiều tiến triển, tình cảm ngày càng cạn kiệt. Từ tháng 01 năm 2024, vợ chồng anh chính thức ly thân. Chị H sang Mỹ định cư và không rõ ngày trở về Việt Nam. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai người con chung, thứ nhất là cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 14 tháng 2 năm 2002. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống và làm việc tại Anh Q từ năm 2022. Do cháu đã lớn đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết. Cháu thứ hai tên là Nguyễn Thị Trúc H1 sinh ngày 14 tháng 01 năm 2008. Hiện nay cháu đang đi du học tại nước Mỹ. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị H trình bày lời khai qua mạng xã hội zalo có sự chứng kiến của anh Nguyễn Thanh T:

Chị và anh T kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị về ở cùng ông bà nội tại thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên tính tình không hợp, bất đồng về làm ăn, kinh tế và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống. Đến đầu tháng 4 năm 2024, anh chị chính thức ly thân. Đến tháng 5 năm 2024 chị làm thủ tục và sang Mỹ sinh sống. Đến nay chị xác định tình cảm của hai vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Chị trình bày thống nhất với anh T về hai con chung là Nguyễn Huy T1, sinh năm 2002 hiện đang sống và làm việc tại nước A. Cháu thứ hai là Nguyễn Thị Trúc H1 sinh năm 2008 hiện đang đi du học tại nước Mỹ. Chị nhất trí để anh T tiếp tục nuôi cháu H1 nếu vợ chồng ly hôn.

Do điều kiện đi lại khó khăn, chị xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời chị có quan điểm ủy quyền cho ông Chu Minh S (Bố đẻ của chị) giao nhận thay các văn bản của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Cháu Nguyễn Huy T1: Anh là con đẻ của bố T mẹ H, hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại nước A. Về việc bố mẹ ly hôn anh không có ý kiến và không có tài sản gì liên quan. Do bản thân đang làm việc tại nước ngoài nên cháu xin được vắng mặt tại phiên tòa. Đồng thời có quan điểm ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh T (Bố đẻ) nhận thay văn bản của Tòa án.

- Cháu Nguyễn Thị Trúc H1: Cháu là con đẻ của bố T mẹ H, hiện nay cháu đang đi du học tại Mỹ. Về việc bố mẹ ly hôn cháu không có ý kiến gì. Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố. Vì lý do ở xa nên cháu xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng trình bày:

- Ông Chu Minh S (Bố đẻ chị H): Chị H và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai con chung sống hạnh phúc một thời gian thì có nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã cố gắng vun đắp tuy nhiên không đạt được kết quả như mong muốn. Về việc các con ông ly hôn ông không có ý kiến gì và không có tài sản hay công nợ gì liên quan. Việc chị H ủy quyền cho ông giao nhận văn bản của Tòa án ông hoàn toàn đồng ý và có trách nhiệm giao nhận và thông tin lại ngay cho chị H. Do không thể sắp xếp thời gian nên ông xin được xét xử vắng mặt.

- Bà Phí Thị T2 (Mẹ đẻ anh T): Bà không có ý kiến gì về việc ly hôn của anh T, chị H. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã H, huyện Á, tỉnh Hưng Yên cung cấp:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Chu Thị Hoa đăng K kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03 tháng 2 năm 2001, sổ vào sổ 04/2001. Vợ chồng anh chị có hai con chung là anh Nguyễn Huy T1 sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Thị Trúc H1 sinh năm 2008.

Phòng Q1 – Công an tỉnh H cung cấp: Có thông tin cấp hộ chiếu của công dân Chu Thị H, sinh ngày 14/11/1979 tại Hưng Yên, số CMTND 033179013757; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Á, tỉnh Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu số P01340741 để xuất cảnh ngày 26/01/2024 qua cửa khẩu N1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Chu Thị H. Giao cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/01/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác không giải quyết. Anh T, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn Chị Chu Thị H có hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Hiện chị H đang sống tại Mỹ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh T thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự do tìm hiểu, có đủ điều kiện để kết hôn và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/02/2001 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm về làm ăn kinh tế và các vấn đề khác trong cuộc sống. Hiện anh chị đã chính thức ly thân, anh T ở Việt Nam còn chị H đã sang Mỹ sinh sống. Vợ chồng không còn quan tâm, chia

sẽ với nhau; cả hai anh chị đều không mong muốn hàn gắn, giữ gìn cuộc hôn nhân hiện tại. Anh T xin ly hôn, chị H nhất trí. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh T được ly hôn Chị H.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy T1 sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/01/2008. Cháu T1 đang sinh sống tại nước A và đã đủ 18 tuổi. Ly hôn chị H, anh T, cháu H1 cùng có quan điểm giao cháu H1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến năm 18 tuổi. Xét thấy, việc giao cháu H1 cho anh T chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của anh T, chị H cũng như quan điểm của chính cháu H1. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, chị H; giao cháu H1 cho anh T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Theo quy định của pháp luật, anh T và chị H mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 75.000 đồng. Do anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí (gồm cả phần của chị H) nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Chu Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/01/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của cháu H1: Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh T chịu toàn bộ số tiền 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 69 ngày 30/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả anh T 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Thực

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Khải

Lê Văn Nguyên

Phạm Trung Thực

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 7 giờ 50 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung T3.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn N và ông Đào Ngọc K1

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ

ngày 30/11/2024 về việc Tranh chấp ly hôn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Chu Thị H, sinh năm 1979;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Hiện tại đang sinh sống và làm việc tại nước Mỹ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Huy T1, sinh ngày 14/02/2002;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

+ Cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/02/2008;

HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3 = 100%.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Chu Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/01/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi

con hàng tháng. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của cháu H1: Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh T chịu toàn bộ số tiền 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 69 ngày 30/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả anh T 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

Đào Ngọc Khải

Phạm Trung Thực

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN PHIÊN TOÀ SƠ THẨM

Vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên toà để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “ Tranh chấp ly hôn”.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976;
HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.
- Bị đơn: Bà Chu Thị H, sinh năm 1979;
HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.
Hiện tại đang sinh sống và làm việc tại nước Mỹ.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
 - + Anh Nguyễn Huy T1, sinh ngày 14/02/2002;
HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.
 - + Cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/02/2008;
HKTT: Thôn T, xã H, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

II. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung T3.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc K1 và ông Lê Văn N.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn G - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị A - Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên toà:

- Chủ tọa phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên toà theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự.

- Chủ tọa hỏi quan điểm đại diện VKS về việc vắng mặt của những người trên.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: tất cả những người tham gia tố tụng đều có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì đã có quan điểm về vụ án trong hồ sơ, đề nghị tiếp

tục xét xử.

- Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng.

Không ai có ý kiến gì về mặt thủ tục phiên tòa, chủ tọa tuyên bố kết thúc phiên thủ tục.

IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa:

1. Chủ tọa công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Chủ tọa công bố đơn khởi kiện của nguyên đơn, đăng ký kết hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của các đương sự, người làm chứng, công văn của cục X, cùng toàn bộ hồ sơ trong vụ án.

2. Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Chu Thị H. Giao cháu Nguyễn Thị Trúc H1, sinh ngày 14/01/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác không giải quyết. Anh T, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án. Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án.

Phiên tòa kết thúc vào hồi 08 giờ 10 phút, cùng ngày.

THƯ KÝ PHIÊN TÒA

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Giang

Phạm Trung Thực

